TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

B¶n ¸n sè: 05/2021/HNG§-ST
Ngµy 02-02-2021
V/v "Tranh chấp
Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Lâm Giang
2. Ông Trần Văn Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan Phương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 303/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/11/2020 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2021 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** *Chị Đồng Thị H, sinh năm 1981 (có mặt)*

**** Bị đơn:*** *Anh Dương Văn S, sinh năm 1973 (có mặt)*

Đều cư trú: Thôn Hàng Cơm, xã Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn ngày 27/10/2020, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Đồng Thị H trình bày:

Chị và anh Dương Văn S kết hôn ngày 23/4/2001, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Việt Lập, huyện Tân Yên. Sau khi kết hôn, chị và anh S về chung sống với nhau tại thôn Hàng Cơm, xã Việt Lập. Ban đầu vợ chồng chung sống bình thường. Tháng 7/2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, anh S hay đánh chị không có lý do. Từ tháng 7/2013 chị cùng con không sống được với

anh S nên đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Hai vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị xin được ly hôn với anh S.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Dương Thị Nhung, sinh ngày 29/01/2002 và Dương Đức An, sinh ngày 07/8/2003. Hiện cháu Nhung đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu An hiện lúc ở với bố, lúc ở với mẹ, ly hôn chị đồng ý nuôi dưỡng cháu An, anh S không pH cấp dưỡng nuôi con cho chị. Hiện chị đang làm bán hàng kinh doanh tự do thu nhập trung bình 5-6 triệu/01tháng. Chị có đất của bố mẹ đẻ cho và chị đã làm nhà sinh sống trên thửa đất đó.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay, chị Đồng Thị H có mặt trình bày chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung với anh S. Tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với anh Dương Văn S là bị đơn trong vụ án tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, anh S trình bày:

Anh và chị Đồng Thị H kết hôn năm 2001, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Việt Lập, huyện Tân Yên. Sau khi kết hôn, anh và chị H về chung sống với nhau tại thôn Hàng Cơm, xã Việt Lập. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 7/2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị H có láo với anh nên anh có thỉnh thoảng đánh chị H. Từ tháng 7/2013 chị H cùng con về nhà ngoại sinh sống và không quay về ở với anh nữa. Hai vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng còn nên chị H có đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Dương Thị Nhung, sinh ngày 29/01/2002 và Dương Đức An, sinh ngày 07/8/2003. Hiện cháu Nhung đã trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu An hiện lúc ở với bố, lúc ở với mẹ, ly hôn anh đồng ý để cho chị H nuôi dưỡng cháu An, anh không pH cấp dưỡng nuôi con cho chị H.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Dương Văn S có mặt trình bày về hôn nhân anh xác định vợ chồng ly thân nhau từ tháng 7/2013 cho đến nay không còn quan tâm gì cho nhau, anh cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nay anh xác định vì con cái nên anh không đồng ý ly hôn chị H. Về con chung anh xác định vợ chồng có hai con chung, cháu Nhung đã trưởng thành không yêu cầu giải

quyết, cháu An lúc ở với bố, lúc ở với mẹ, cháu ở với ai là quyền của cháu, chị H nhận nuôi cháu An thì anh cũng đồng ý, anh không pH cấp dưỡng nuôi con cho chị H. Về tài sản chung anh không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn chị H, bị đơn anh S chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình. Khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đồng Thị H được ly hôn với anh Dương Văn S.

Về con chung: Giao cho chị Đồng Thị H nuôi dưỡng con chung là Dương Đức An, sinh ngày 07/8/2003. Vấn đề cấp dưỡng chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đồng Thị H pH chịu 300.000 đồng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị H và anh S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn chị Đồng Thị H Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị H và anh S xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Việt Lập, huyện Tân Yên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh S có một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do anh S thỉnh thoảng đánh chị H, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị H và anh S đều xác định hai vợ chồng ly thân nhau từ tháng 7/2013 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Anh S tại phiên tòa cũng trình bày vợ chồng mâu thuẫn do anh thỉnh thoảng có đánh chị H và anh xác định tình cảm vợ chồng còn nên không đồng ý ly hôn chị H nhưng anh S không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại biên bản làm việc với gia đình và chính quyền địa phương cũng xác định vợ chồng chị H, anh S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay đánh cãi chửi nhau, vợ chồng anh S, chị H đã ly thân nhau đã 7-8 năm nay không còn chung sống cùng nhau, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Chị H có đơn xin ly hôn anh S thì quan điểm địa phương thấy mâu thuẫn giữa chị H, anh S đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh S.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy mặc dù anh S xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn không đồng ý ly hôn chị H nhưng xét mâu thuẫn giữa chị H, anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị H và anh S đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Dương Thị Nhung, sinh ngày 29/01/2002 và Dương Đức An, sinh ngày 07/8/2003. Hiện cháu Nhung đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu An hiện lúc ở với bố, lúc ở với mẹ. Ly hôn chị H nhận tiếp tục nuôi con chung, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh S trình bày tùy ở cháu An, nếu chị H nhận nuôi cháu An thì anh cũng đồng ý để chị H nuôi dưỡng con chung là cháu An và anh không pH cấp dưỡng nuôi con cho chị H. Tuy chị H không cung cấp được cho Tòa án về xác nhận thu nhập nhưng theo chị khai hiện nay chị làm nghề bán hàng kinh doanh tự do có thu nhập, đủ điều kiện thời gian để nuôi con, theo xác minh tại địa phương thì chị H có thu nhập. Tuy cháu An trong bản tự khai có ghi nếu bố mẹ không ở được với nhau thì nguyện vọng của cháu là ở với bố, nhưng anh S tại phiên tòa đồng ý để chị H nuôi dưỡng con chung cháu An. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung cháu An cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình. Sau khi ly hôn, anh Dương Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh S thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

* Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị H, anh S đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H pH chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đồng Thị H được ly hôn anh Dương Văn S.

2. Về con chung: Giao cho chị Đồng Thị H nuôi dưỡng con chung là Dương Đức An, sinh ngày 07/8/2003. Anh Dương Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

Sau khi ly hôn, anh Dương Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh S thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Án phí Chị Đồng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0000071 ngày 06/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Đồng Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Việt Lập;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân